

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2020/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày tháng năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ trình số 306/TTr-SNN ngày 20/12/2019).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đông Hòa và thị xã Sông Cầu; Chánh Văn phòng Điều phối NTM tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BCD các Chương trình MTQG TW;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VP Điều phối NTM TW;
- Vụ Pháp chế-Bộ NN&PTNT;
- Cục KTVB QPPL-Bộ Tư Pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Phòng XD, KT và TĐTHPL-STP;
- Lưu: VT, KT, HgAQD

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Hữu Thế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày / /2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các thôn của các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh thuộc Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, buôn, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy trình đánh giá, xét công nhận thôn của các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển đạt thôn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

### **Điều 2. Thẩm quyền xét, công nhận thôn của các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển đạt thôn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã.

## **Chương II QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ THÔN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**

### **Điều 3. Tiêu chí thôn nông thôn mới**

1. Có Ban Phát triển thôn được thành lập, kiện toàn hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được Ủy ban nhân dân xã công nhận.

2. Có quy ước, hương ước thôn, được đại đa số (khoảng 95%) người dân thông qua và cam kết thực hiện.

3. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hàng năm và cả giai đoạn, được Ủy ban nhân dân xã xác nhận, được lập theo phương pháp có sự tham gia của cộng đồng. Bản kế hoạch đánh giá đầy đủ hiện trạng thôn, các nguồn nội lực của thôn, kế hoạch thực hiện giai đoạn và lộ trình từng năm, dự toán kinh phí thực hiện trong đó có sự tham gia đóng góp của cộng đồng.

4. Có mô hình sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng.

5. Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/năm) trên địa bàn thôn đạt so với mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh tại thời điểm xét công nhận.

6. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thôn (trừ các hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định):  $\leq 5\%$ .

7. Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề có việc làm:  $\geq 40\%$ .

8. Có cảnh quan, không gian nông thôn sạch-xanh-đẹp; không có hoạt động suy giảm môi trường. Đảm bảo vệ sinh môi trường các nơi công cộng.

9. Có tổ vệ sinh môi trường trên địa bàn thôn hoặc các khu, điểm dân cư tập trung (theo quy hoạch); có điểm tập kết rác thải chung đảm bảo vệ sinh trước khi thu gom.

10. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch:  $\geq 95\%$  (trong đó  $\geq 60\%$  nước sạch).

11. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:  $\geq 85\%$ .

12. Mai táng theo quy hoạch và phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán của địa phương, phù hợp với truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh. Đạt.

13. Thôn được công nhận danh hiệu “Thôn văn hóa”.

14. Có hệ thống loa truyền thanh được kết nối với Đài truyền thanh xã hoạt động có hiệu quả.

15. Không còn nhà tạm, dột nát.

16. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định:  $\geq 80\%$ .

17. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế:  $\geq 85\%$ .

18. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi trên địa bàn thôn bị suy dinh dưỡng thể thấp còi:  $\leq 24,2\%$ .

19. Mỗi thôn đều có nhân viên y tế hoạt động, có tiêu chuẩn, chức năng nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

20. Có đủ các tổ chức chính trị cơ sở theo quy định. Đạt.

21. Chi bộ đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. Đạt.

22. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên. Đạt.

23. Chi bộ có nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn nông thôn mới.

24. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

25. Thôn được công nhận đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”.

26. Tỷ lệ đường trục thôn và đường liên thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại:  $\geq 50\%$ .

27. Tỷ lệ đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: Cứng hóa  $\geq 50\%$ .

28. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: Cứng hóa  $\geq 50\%$ .

29. Hệ thống điện trên địa bàn thôn đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành điện.

30. Tỷ lệ hộ dân trên địa bàn thôn được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn:  $\geq 98\%$ .

31. Có nhà văn hóa-khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 4. Trách nhiệm của các Sở, ban ngành**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị có liên quan kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Các Sở, ban ngành của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của tỉnh chỉ đạo các địa phương thực hiện Quy định tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên tại Quyết định này.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã**

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng thôn đạt chuẩn nông thôn mới các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn; tổ chức đánh giá, xét công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hàng năm theo đúng quy định tại Quyết định này.

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình triển khai thực hiện trường hợp có phát sinh vướng mắc; cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp) để xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Hữu Thế**